

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương; Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Thiều Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 121/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Phạm Thị Kiều, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị K, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1996 tại xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Mường; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thái H, sinh năm 1960 và bà Cao Thị Th, sinh năm: 1963 (đã chết); chồng: Phạm Văn H; sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự: không; Tiền án: 01, ngày 16/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số: 08/2019/HS-ST. Hiện đang được hoãn chấp hành án phạt tù vì đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Ngoài ra còn có bị cáo Phạm Văn Th không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

* Người bị hại: Anh Bùi Xuân Ch - sinh ngày 25/4/2002;

Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Phố Q, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

* Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Thu Y; sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Phố Q, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Ch; sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/10/2019 Phạm Thị K, sinh năm 1996 ở thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa đi chơi ở khu vực xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày do không có xe đi về nhà nên K gọi điện thoại cho Phạm Văn Th, sinh năm 1996 ở thôn K, xã Đ, huyện B đến khu vực ngã ba xã Đ, huyện B chờ K đi về huyện C. Khi về đến khu vực thôn M, xã Đ thì xe máy của Th bị thùng xăng nên dừng lại, thấy vậy K nói với Th “bạn mượn xe của ai đó rồi đưa tớ về với”, khi Th đang gọi thoại để hỏi mượn xe máy thì thấy Bùi Xuân Ch, sinh năm 2002 ở thôn L, xã Đ, huyện B đi xe máy đến, nên Th hỏi mượn xe máy BKS 36A-714.79, loại xe DAELIMIKD-WAVES, đăng ký xe mang tên Bùi Xuân T, sinh năm 1974 là bố đẻ của Bùi Xuân Ch để đưa K về và được Ch đồng ý cho mượn xe. Nhưng do Th phải đi sửa xe máy của mình nên Th không đưa K về được. Th nhờ Ch chở K về nhưng Ch không chở. Sau đó K quay sang hỏi Ch “cho chị mượn xe về tắm, tí chị mang lên cho”, nghe vậy Ch đồng ý, rồi K tự đi xe máy về nhà ở thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày K đi uống nước rồi gửi xe máy của Ch ở nhà Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1995 ở thôn Đ, xã S, huyện C (nay là thị trấn P, huyện C), sau đó đi hát Karaoke cùng bạn của mình. Do không thấy K trả xe như đã hẹn nên Th, Ch và Hà Công H, sinh năm 2003 ở thôn L, xã Đ, huyện B gọi điện và được K chỉ đường đến nhà Bùi Văn T, sinh năm 1990 ở thôn B xã B, huyện C để gặp K. Khoảng 01 giờ ngày 31/10/2019 khi gặp K tại nhà T thì Ch hỏi K “xe của em đâu”, K trả lời “xe em chị cầm rồi”, một lúc sau K nói lại “chị đùa đấy, xe em đang gửi ở quán nước tại thị trấn C”. Sau đó K đưa chìa khóa xe cho Ch bảo sáng mai xuống thị trấn C (nay là thị trấn P) lấy xe trả cho Ch. Ch ngủ lại nhà T, Th đưa H về huyện B, sau đó quay lại nhà T ngủ cùng Ch. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày K gọi Ch dậy đi lấy xe nhưng Ch không dậy nên đã lấy chìa khóa xe từ Ch rồi gọi Th chở đi xuống nhà Nguyễn Văn Ch để lấy xe máy của Ch. Khi lấy được xe, K điều khiển xe đến cửa hiệu cầm đồ của ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1955 ở phố Q, thị trấn C, huyện Cẩm Thủy. Sau khi dừng xe thì K đưa giấy đăng ký xe và bảo Th dắt vào trong hiệu hỏi cầm cố xe, K đi theo sau vào hiệu cầm đồ. Th đề nghị cầm cố xe và đưa Đăng ký xe cho Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1996 ở phố Q, thị trấn P, huyện C là con dâu ông Nguyễn Hải L. Sau đó Y đưa lại Đăng ký chiếc xe BKS 36A-714.79 cho ông L.

K hỏi ông L xe này mới thì bán được bao nhiêu tiền, cầm thì bán được bao nhiêu tiền. Do giấy Đăng ký xe mang tên Bùi Xuân T, sinh năm 1974 ở thôn L, xã Đ, huyện B, nên ông L hỏi Th “xe của cháu à” Th trả lời “vâng, xe cháu mới mua trên huyện B”, đồng thời Th hỏi ông L xe này cầm được bao nhiêu Nguyễn Hải L trả lời “được khoảng 4.000.000^d (bốn triệu đồng). Do K không có Giấy chứng minh nhân dân nên Th đứng tên giấy cầm cố xe máy. Th đồng ý và ký nhận giấy cầm đồ, thời gian cầm đồ xe máy là 30 ngày kể từ ngày 31/10/2019, số tiền cầm đồ là 4.500.000^d (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và giấy cầm cố xe thì ông L đưa cho K. Sau đó Th điều khiển chiếc xe máy chở K về nhà ở thôn V, xã B, huyện C. Trên đường về K bỏ vào túi áo bên trái của Th 100.000^d (một trăm nghìn đồng) để mua đồ ăn. Th có hỏi K là bao giờ trả lại xe cho Ch thì K nói bốn đến năm hôm nữa mới trả xe được. Sau đó K lên xe ô tô thuê từ trước đi lên trung tâm cai nghiện ở huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để thăm chồng. Do không thấy K trả xe máy nên Ch gọi điện thoại cho K và được biết là K đã cầm cố xe máy để lấy tiền và K hẹn ngày 04/11/2019 sẽ trả xe cho Ch. Tuy nhiên K không trả xe cho Ch như đã hẹn. Ngày 06 tháng 11 năm 2019 ông Bùi Xuân T (bố đẻ Ch) đã có đơn tố giác tội phạm gửi đến Công an huyện Bá Thước. Đồng thời, ngày 06/11/2019 Nguyễn Hải L đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 20/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bá Thước kết luận: Tài sản là 01 (một) xe mô tô BKS: 36A-714.79; Số khung: RLPBCB7UMJB003907; Số máy: VZS139FMB24003907; Nhãn hiệu: DAELIMIKD; Số loại: WAVES; Màu sơn: Trắng; Dung tích: 49.5 tại thời điểm ngày 30 tháng 10 năm 2019 có giá trị là 6.283.000^d (sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời Th đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), đây là số tiền đã cầm cố xe máy BKS: 36A-714.79 ngày 31 tháng 10 năm 2019.

Đối với Phạm Thị K, tại Cơ quan điều tra K thừa nhận là biết chiếc xe BKS: 36A-714.79 là của Ch, nhưng K không trực tiếp mượn xe của Ch mà Th mượn xe của Ch sau đưa cho K đi về nhà. Ngày 31/10/2019 K không đưa giấy tờ xe và không bảo Th dặt xe máy BKS: 36A-714.79 vào hiệu cầm đồ Nguyễn Hải L để cầm cố. K cho rằng Th tự lấy xe máy của Ch để thực hiện hành vi cầm cố xe để lấy tiền, K thừa nhận được nhận tiền và giấy cầm đồ từ ông Nguyễn Hải L nhưng khi ra khỏi hiệu cầm đồ thì K nhét số tiền và giấy cầm cố vào túi của Th. Th không thống nhất với lời khai của K.

Vật chứng, tài sản thu giữ gồm có: - 01 (một) xe máy nhãn hiệu: DAELIMIKD, màu sơn trắng, BKS: 36A-714.79, số máy: 9FMB24003907, số khung: B7UMJB003907, dung tích: 49.5, xe máy đã qua sử dụng; 01 (một) đăng ký xe mô tô, xe máy số 013167, do Công an huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/09/2018. Hiện đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Bùi Xuân T

theo quyết định xử lý vật chứng số 01/CSĐT ngày 06/01/2020 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước.

- Số tiền 4.500.000^d (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) do Phạm Văn Th giao nộp. Ngày 06/01/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bá Thước đã gửi vào tài khoản tạm gửi của Công an huyện Bá Thước tại kho bạc Nhà nước huyện Bá Thước chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về dân sự: Ông Bùi Xuân T là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe máy BKS 36A-714.79. Ông T đã nhận lại xe cùng với giấy tờ xe và không có yêu cầu đề nghị gì khác. Ông Nguyễn Hải L yêu cầu bị cáo Phạm Văn Th hoàn trả số tiền 4.500.000^d (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền cầm cố chiếc xe máy BKS 36A-714.79 ngày 31 tháng 10 năm 2019.

* Bản án số 09/2020/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa:

- Căn cứ:Điểm b khoản 1 Điều 175, điểm khoản 1 Điều 52, Điều 38,Điều 55, Điều 56, Điều 17và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Phạm Thị K 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm 11 tháng 21 ngày tù của Bản án số 08/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 05 (năm) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ: Điểm b khoản 1Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38;Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Phạm Văn Th 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết trchs nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13/5/2020bị cáo Phạm Thị K kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử cho bị cáo vô tội.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Thị K vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo không phạm tội. Bị cáo K không thừa nhận mượn xe của Ch và cũng không thừa nhận cùng Th cầm cố chiếc xe mô tô của Ch.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay mặc dù K không thừa nhận đã trực tiếp mượn xe mô tô BKS 36A-714.79 của Ch, nhưng Th và Ch đều khẳng định K trực tiếp mượn xe của Ch, khi K không trả xe cho Ch đúng hạn thì Ch đã gọi điện cho K và được K chỉ đường đến nhà T. Tại nhà T thì Ch đã hỏi K xe của em đâu, K trả lời xe của em chị cầm rồi. Như vậy đủ căn cứ khẳng định K đã trực tiếp mượn xe của Ch. Sau đó K đã cùng Th cầm cố chiếc xe của Ch để lấy số tiền 4.500.000^d. Khi Ch gọi điện tiếp tục đòi xe thì biết K đã cầm cố chiếc xe và K hẹn ngày 04/11/2019 sẽ

trả xe cho Ch, nhưng sau đó K không trả. Như vậy đủ căn cứ khẳng định đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị K giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định, tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo bị cáo đề nghị tuyên bị cáo không phạm tội, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Thị K không thừa nhận ngày 30/10/2019 đã mượn xe mô tô BKS 36A-714.79 của Ch và cũng không thừa nhận cùng Th cầm cố chiếc xe mô tô của Ch để lấy tiền sử dụng cá nhân. Tuy nhiên, Th và Ch đều khẳng định K là người trực tiếp hỏi mượn xe của Ch và K hứa đến chiều cùng ngày sẽ trả lại xe cho Ch nhưng K đã không trả xe như đã hứa. Tối 30/10/2019 Ch đã gọi điện thoại cho K để đòi lại xe. Đầu sáng ngày 31/10/2019 khi gặp K thì Ch có hỏi “xe của em đâu”, K trả lời “xe của em chị cầm rồi” sau đó thì K nói lại “chị đùa đấy”, chứng tỏ K đã có ý định cầm cố xe của Ch. Đến sáng 31/10/2019, khi đã lấy được xe trước đó K gửi ở nhà anh Ch, K cũng không đưa xe về trả cho Ch mà điều khiển xe đến hiệu cầm đồ, cùng với Th đi cầm cố chiếc xe tại cửa hiệu cầm đồ của ông L. Mặc dù K không phải là người viết giấy cầm cố xe với ông Nguyễn Hải L, nhưng K cùng Th vào cửa hàng cầm đồ, chính K là người hỏi ông L “xe này mới thì bán được bao nhiêu, cầm cố thì được bao nhiêu” và sau khi cầm cố xe thì K là người cầm giấy tờ cầm cố và số tiền cầm cố xe 4.500.000^d từ ông L. Th không thừa nhận đã cầm số tiền 4.500.000^d và giấy cầm cố xe như lời trình bày của K là ra đến ngoài đường thì K đã nhét giấy cầm cố và số tiền vào túi Th.

Mặc dù K không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng với những hành động của K đã thể hiện K là người trực tiếp mượn xe mô tô BKS 36A-714.79 của Ch và K đã có ý định cầm cố chiếc xe của Ch từ sáng ngày 31/10/2019. Sau khi đã cầm cố xe thì K vẫn hứa với Ch 4 ngày sau sẽ trả xe cho Ch nhưng sau đó K vẫn không trả.

Từ những phân tích nêu trên thể hiện hành vi của Phạm Thị K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Trường hợp này cần phải áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự mới chính xác. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Thị K không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị K. Giữ nguyên bản án số án số 09/2020/HSST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 175, điểm b khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55, Điều 56, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Phạm Thị K 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 11 tháng 21 ngày tù của Bản án số 08/2019/HSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Phạm Văn Thân 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị K phải chịu 200.000^d án phí hình sự phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS huyện Bá Thước;
- THADS huyện Bá Thước;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Huệ